

Bản án số: **105/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 02/12/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

2. Ông Trịnh Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 95C/9, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 110, ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 95C/9, ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1944.

Địa chỉ: ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G có lời trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Châu Thành, tỉnh ngày 26/01/2006, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau.

Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, cả hai vợ chồng đều đi làm lo cho cuộc sống chung, lúc đầu hai vợ chồng hiểu nhau và biết quan tâm chăm sóc nhưng cho đến khoảng năm 2012 thì hai vợ chồng xảy

ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về cách sống, không còn tình cảm với nhau. Hiện hai vợ chồng không sống cùng một nhà, chị ra ngoài sống ly thân với anh Tuấn từ tháng 5/2022, chị và anh T không còn quan tâm nhau, không còn chia sẻ vui buồn cùng nhau.

Nay xét thấy tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn vì chị có khả năng nuôi sống được bản thân.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015, hiện sống chung với chị G, anh T. Sau khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; chị giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 cho anh T nuôi, chị không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Theo anh, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 được xây dựng trên 01 phần đất có diện tích khoảng 197m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre tuy nhiên trước đó chị và anh T đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị G và anh có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và tính đến nay còn nợ số tiền 463.142.362đồng, sau khi ly hôn chị G yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ trả số tiền 463.142.362đồng và nợ ông Nguyễn Văn V (Cha chồng) số tiền 1.100.000.000đồng, chị đồng ý cùng anh T liên đới trả trả số tiền nợ này khi có quyết định của Tòa án.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh T có lời trình bày:

Anh cũng thừa nhận, thống nhất về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, việc đăng kết hôn của hai người như chị Nguyễn Thị Ngọc G đã nêu.

Tuy nhiên nếu nói nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị G ly hôn thì không phải lỗi hoàn toàn do anh, chị G cũng có lỗi trong việc xử xử với anh làm cho hai người ngày càng mâu thuẫn tức là hai bên cùng có lỗi. Anh thừa nhận, hiện hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2022, anh và chị G mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau.

Nay chị G cương quyết ly hôn, anh cũng nhận thấy tình cảm của anh đối với vợ không còn, anh đồng ý ly hôn và anh cũng không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn vì anh đủ khả năng nuôi sống được bản thân.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015, hiện sống chung với chị G, anh T. Anh đồng ý nhận nuôi con chung cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 và không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con; anh đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015 cho chị G nuôi và anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị G có tạo lập được tài sản chung là căn nhà cấp 4 được xây dựng trên 01 phần đất có diện tích khoảng 197m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã Q, huyện C. Anh đồng ý hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Anh đồng ý trong thời kỳ hôn nhân anh và chị G có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và tính đến nay còn nợ

số tiền 463.142.362đồng, sau khi ly hôn chị G yêu cầu anh cùng có nghĩa vụ trả số tiền 463.142.362đồng thì anh đồng ý.

Ngoài ra hai vợ chồng anh còn nợ ông Nguyễn Văn Vân (Cha ruột anh) thực tế là 1.850.000.000đồng nhưng chị Giàu chỉ thừa nhận 1.100.000.000đồng thì anh không chấp nhận, anh T đề nghị chị G phải có nghĩa vụ cùng anh liên đới trả số tiền nợ chung này sau khi có quyết định của Tòa án.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn V có lời trình bày:

Các đây khoảng 04 năm, ông có trực tiếp đứng ra bán 02 công đất do ông đứng tên được 2000.000.000đồng, ông cho vợ chồng anh Tuấn mượn 900.000.000đồng để trả nợ Ngân hàng nông nghiệp Agibank Phòng giao dịch Giao Long (Hợp đồng tín dụng do ông đứng tên vay nhưng là ông đưa tiền cho vợ chồng anh T mượn làm ăn - lần này không có làm giấy).

Số tiền còn lại 1.100.000.000đồng, hai vợ chồng anh T mượn tiếp 200.000.000đồng để trả nợ bên ngoài (lần này không có làm giấy).

Sau đó hai vợ chồng anh T mượn tiếp 500.000.000đồng để làm ăn (lần này có làm giấy nhưng chị G, anh T không có ký tên).

Ngoài ra năm 2020, ông tiếp tục vay dùm anh T, chị G 250.000.000đồng tại Ngân hàng nông nghiệp Agibank Phòng giao dịch Giao Long (Hợp đồng tín dụng do ông đứng tên vay nhưng ông là người đưa tiền cho vợ chồng anh T mượn làm ăn - lần này cũng không có làm giấy)

Tổng cộng hiện nay anh T, chị G còn nợ ông các khoản là 1.850.000.000đồng, ông yêu cầu anh T và chị G trả một lần và không tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng, hiện đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn, công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung, về tài sản chung ghi nhận hai bên tự thỏa thuận và về nợ chung đề nghị buộc nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 1.100.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của đương sự quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, quan hệ pháp luật nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Thanh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh ngày 26/01/2006 do tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng chỉ được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về cách sống, không còn tình cảm với nhau. Hiện hai vợ chồng không sống cùng một nhà, chị G ra ngoài sống ly thân với anh T từ tháng 5 năm 2022, chị G và anh T không còn quan tâm nhau, không còn chia sẻ vui buồn cùng nhau. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với bị đơn không còn nên yêu cầu được ly hôn, phía bị đơn cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn vì anh xác định không thể hàn gắn lại tình cảm với nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn cương quyết ly hôn, bị đơn cũng không muốn hàn gắn và tự nguyện ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 và Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015, hiện sống chung với chị G, anh T. Sau khi ly hôn chị G, anh T cùng thỏa thuận để chị G nuôi cháu Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015 và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; anh T nuôi cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008, chị G không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung vì vậy được ghi nhận

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do hai đương sự không yêu cầu, xét đây là sự tự nguyện của hai đương sự vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Hai bên trình bày tự thỏa thuận giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung:

Nguyên đơn, bị đơn cùng thống nhất còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và tính đến nay còn nợ số tiền 463.142.362 đồng, tuy nhiên Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng không có đơn yêu cầu giải quyết trong vụ án này dù đã được Tòa án ấn định thời gian yêu cầu giải quyết tại buổi hòa giải và thông báo bằng văn bản, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Đối với số nợ của ông Nguyễn Văn V có yêu cầu là 1.850.000.000 đồng. Quá trình giải quyết anh T thừa nhận nợ ông V 1.850.000.000 đồng tuy nhiên chị G chỉ thừa nhận nợ 1.100.000.000 đồng, quá trình vay các bên không làm hợp đồng chỉ có lời nói với nhau nên ông V không thể cung cấp được chứng cứ là giấy vay nợ 1.850.000.000 đồng của anh T và chị G vì vậy Hội đồng xét xử chỉ

chấp nhận một phần yêu cầu của ông V theo sự thừa nhận nợ của chị G để buộc anh T và chị G có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 1.100.000.000đồng cho ông V là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc đánh giá chứng của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Giàu phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001319 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ 1.100.000.000đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc Giàu và anh Nguyễn Thanh Tuấn phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 36.000.000đồng + 3% x 300.000.000đồng = 45.000.000đồng.

Ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 56, 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G có quyền, nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 14/8/2015 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 27/5/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc G, anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G, anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 1.100.000.000đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số số 0001319 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và còn phải nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường